

Bản án số: 17/2025/KDTM-ST

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/KTST ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1737/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HPT ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Công Ty TNHH K; Địa chỉ trụ sở: Số A đường C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T, chức danh: Giám đốc công ty; Địa chỉ liên lạc: Số C đường C, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV X; Địa chỉ trụ sở: Số I đường B, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T1, chức danh: Giám đốc công ty (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2023, nguyên đơn Công Ty TNHH K; Đại diện theo pháp luật ông Phạm Minh T trình bày:*

Ông Trần Văn T1, chức vụ giám đốc là người đại diện cho Công ty TNHH MTV X (trên hợp đồng ghi tên là Nguyễn Văn T2) giao gói thầu xây dựng mới tại căn nhà số: 1 đường E, phường A, quận G theo hợp đồng kinh tế số: 01/HĐTC với Công Ty TNHH K do tôi làm đại diện, hợp đồng hai bên ký ngày 14/02/2023, hoàn thành và bàn giao cho chủ nhà ngày 15/07/2023.

Từ ngày 15/07/2023 ký biên bản nghiệm thu công trình cho đến nay, ông Trần Văn T1 đã vi phạm trong việc thanh toán tiền theo hợp đồng nói trên còn nợ lại số tiền theo quyết toán cuối cùng là 254,050,000 đồng, tiền chi phí thiết kế kiến trúc là 38,000,000 đồng, ngày 13/09/2023 ông T1 giao cho công ty tôi thực hiện việc cải tạo sửa chữa nhà Chị T3 tại số: 1 đường E, Phường A, Quận G để khấu trừ bớt nợ và công ty T5 được số tiền là 44,323,000 đồng.

Như vậy, tính tới nay ông Trần Văn T1 vẫn còn nợ công ty tôi là: $254,050,000 + 38,000,000 - 44,323,000 = 247,727,000$ đồng. Việc ông Trần Văn T1 không trả nợ đã gây cho công ty chúng tôi nhiều khó khăn, thiệt hại. Do vậy, nay công ty có đơn này, kính đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết cho yêu cầu của chúng tôi như sau:

Buộc Công Ty TNHH MTV X đại diện là ông Trần Văn T1 phải trả cho chúng tôi số tiền còn thiếu nợ là 247,727,000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

[2] Bị đơn Công ty TNHH MTV X; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T1, chức vụ: Giám đốc công ty trình bày tại bản tự khai ngày 29/5/2024:

Công ty TNHH MTV X T4 xác nhận công nợ 247,727,000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng) như yêu cầu của nguyên đơn do còn thiếu trong việc xây dựng căn nhà số A đường E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bị đơn Công ty TNHH MTV X thanh toán theo phương thức như sau: Mỗi tháng thanh toán số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào ngày 5-10 hàng tháng cho đến khi dứt hết khoản nợ nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 234; Tuy nhiên chưa đúng hạn thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ Hợp đồng số 01/HĐTC ngày 14/02/2023 về việc xây dựng nhà ở gia đình và B xác nhận công nợ kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 15/7/2023, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH MTV X; mã số doanh nghiệp C phải thanh toán cho Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp C1 tổng số tiền 281.170.145 (hai trăm tám mươi một triệu, một trăm bảy mươi ngàn, một trăm bốn mươi lăm) đồng; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2023, nguyên đơn Công Ty TNHH K khởi kiện yêu cầu bị

đơn Công ty TNHH MTV X phải thanh toán tổng số tiền 247.727.000 (hai trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn) đồng theo Hợp đồng số 01/HĐTC ngày 14/02/2023 về việc xây dựng nhà ở gia đình là tranh chấp về hợp đồng thi công quy định tại Điều 385 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 140 Luật xây dựng năm 2015.

Bị đơn Công ty TNHH MTV X; Mã số doanh nghiệp C có địa chỉ trụ sở tại số I đường B, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, Điều 208, khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đối với bị đơn bị đơn Công ty TNHH MTV X; Mã số doanh nghiệp C có địa chỉ trụ sở tại số S đường B, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH MTV X Tâm theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn Công Ty TNHH K khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH MTV X; Mã số doanh nghiệp C phải thanh toán tổng số tiền 247.727.000 (hai trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn) đồng theo Hợp đồng số 01/HĐTC ngày 14/02/2023 về việc xây dựng nhà ở gia đình.

Nhận thấy, tại Hợp đồng số 01/HĐTC ngày 14/02/2023 về việc xây dựng nhà ở gia đình thể hiện Công Ty TNHH K và Công ty TNHH MTV X thỏa thuận xác lập hợp đồng giao khoán về thi công công trình xây dựng mới tại căn nhà số A đường E, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo bản phụ lục báo giá thi công công trình.

Ngày 15/7/2023, Công ty TNHH MTV X T4 ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng đối với căn nhà số A đường E, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền 1.903.350.000 đồng.

Tại bản xác nhận công nợ kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 15/7/2023, Công ty TNHH MTV X xác định đã thanh toán tổng số tiền 1.632.300.000 đồng còn nợ lại số tiền 245.050.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH MTV X xác nhận công nợ 247,727,000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án số 04/2024/TBTL ngày 09/01/2024, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu

tập tham gia phiên họp, phiên hòa hòa giải đối với bị đơn Công ty TNHH MTV X nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn Công ty TNHH MTV X còn nợ số tiền 247,727,000 đồng theo Hợp đồng số 01/HĐTC ngày 14/02/2023 về việc xây dựng nhà ở gia đình đối với nguyên đơn Công Ty TNHH K.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công Ty TNHH K yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 9%/năm, thời gian tính lãi suất từ ngày 20/8/2023 đến ngày 20/02/2025 (247,727,000 đồng x 9%/năm x 1 năm 6 tháng) với tổng số tiền lãi 33.443.145 đồng.

Nguyên đơn Công Ty TNHH K yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH MTV X; Mã số doanh nghiệp C phải thanh toán số tiền 247.727.000 đồng + 33.443.145 đồng = 281.170.145 (hai trăm tám mươi một triệu, một trăm bảy mươi ngàn, một trăm bốn mươi lăm) đồng là phù hợp theo quy định tại các điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3.2] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH MTV X; mã số doanh nghiệp C phải thanh toán cho Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp C1 tổng số tiền 281.170.145 (hai trăm tám mươi một triệu, một trăm bảy mươi ngàn, một trăm bốn mươi lăm) đồng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp C1 phải thanh toán cho nguyên đơn Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp C1 tổng số tiền 281.170.145 (hai trăm tám mươi một triệu, một trăm bảy mươi ngàn, một trăm bốn mươi lăm) đồng nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.058.057 (mười bốn triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, không trăm năm mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp 0312978757 số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.193.176 (sáu triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, một trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0007400 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm b khoản 2 Điều 140 Luật xây dựng năm 2015;
- Điều 2; 6, 7, 7a, 7b và điều 9; 30; 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp C1.

1. Buộc Công ty TNHH MTV X; mã số doanh nghiệp C phải thanh toán cho Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp C1 tổng số tiền 281.170.145 (hai trăm tám mươi một triệu, một trăm bảy mươi ngàn, một trăm bốn mươi lăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH MTV X; mã số doanh nghiệp C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.058.057 (mười bốn triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, không trăm năm mươi bảy) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Công Ty TNHH K, mã số doanh nghiệp 0312978757 số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.193.176 (sáu triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, một trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0007400 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày tuyên án; Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Oánh